TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C- TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:102/2018/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 27 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 149/2018/TLST/HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn K, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn K, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55,58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Xuân T và chị Phạm Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Xuân T và chị Phạm Thị N.

- Việc nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị N: Giao con chung là Phạm Khánh H , sinh ngày: 07/7/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Phạm Trung L, sinh ngày: 27/3/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra đối với anh T và chị N; người không trực tiếp nuôi con có

quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về công sức: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị N: Anh Phạm Xuân T có nghĩa vụ thanh toán công sức cho chị Phạm Thị N số tiền là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng chẵn)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: Anh Phạm Xuân T tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí LHST; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0001087 ngày 12/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Trả lại anh T 150.000đ tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Minh Phương